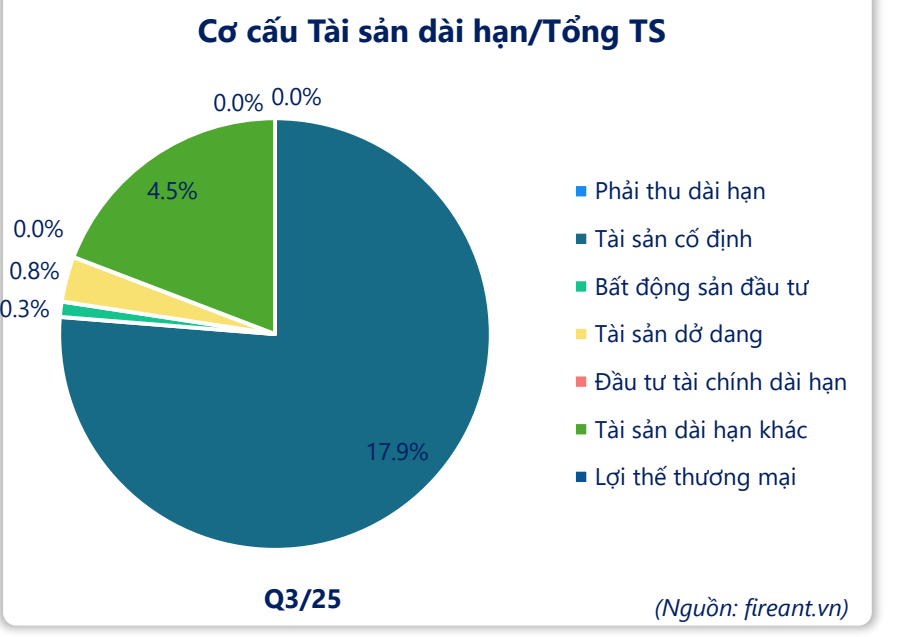
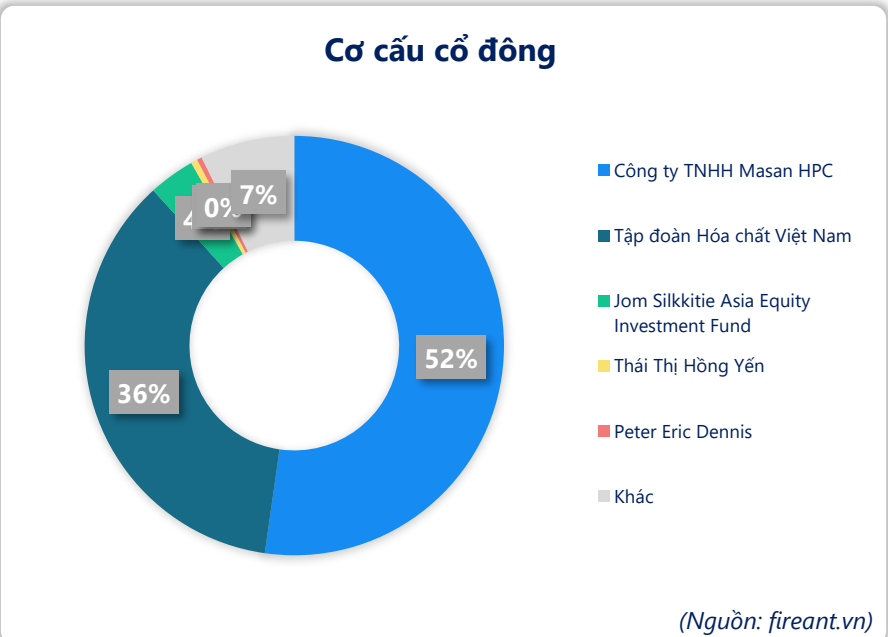
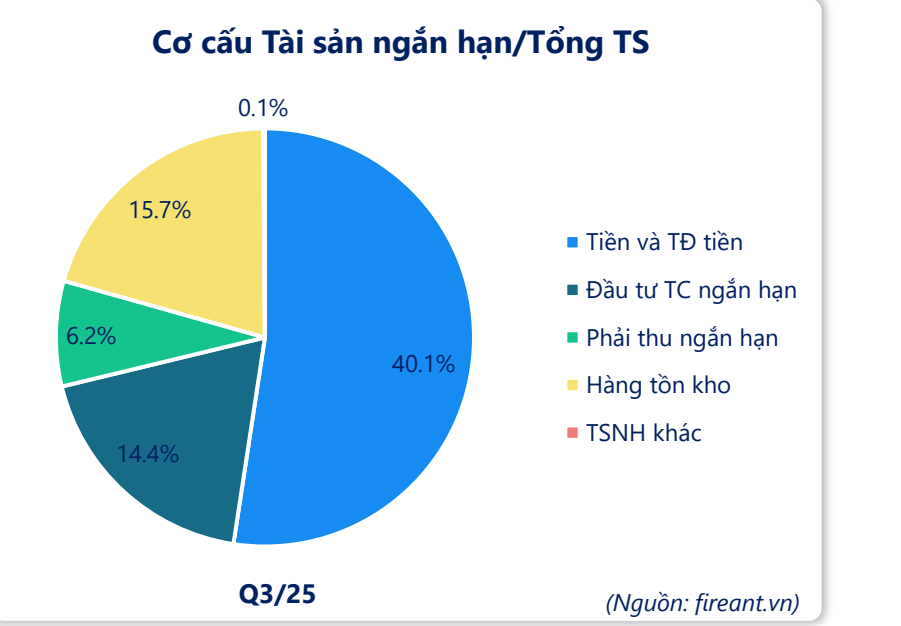
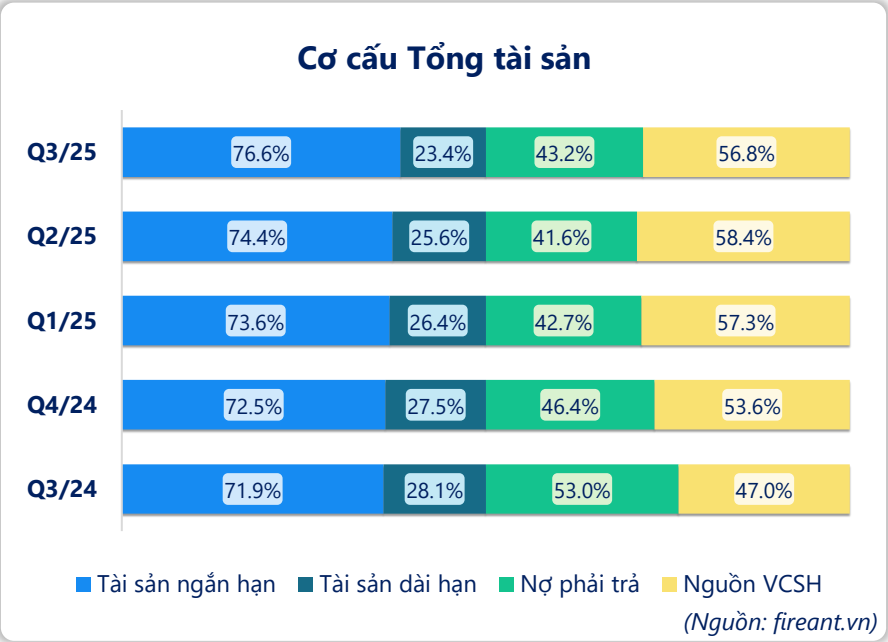
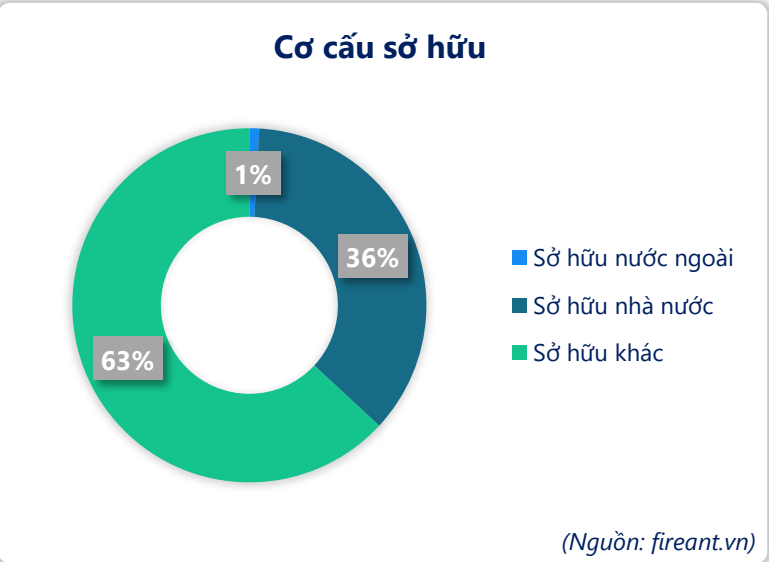
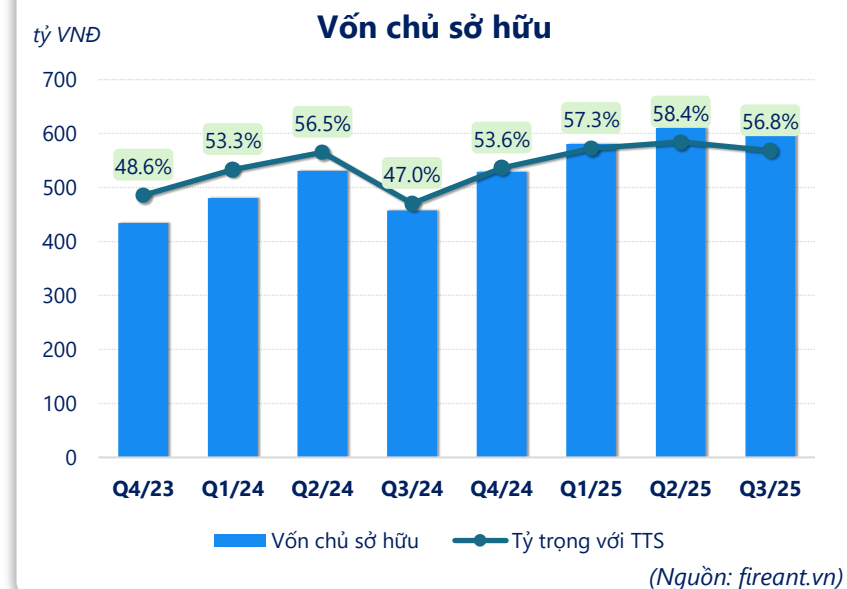
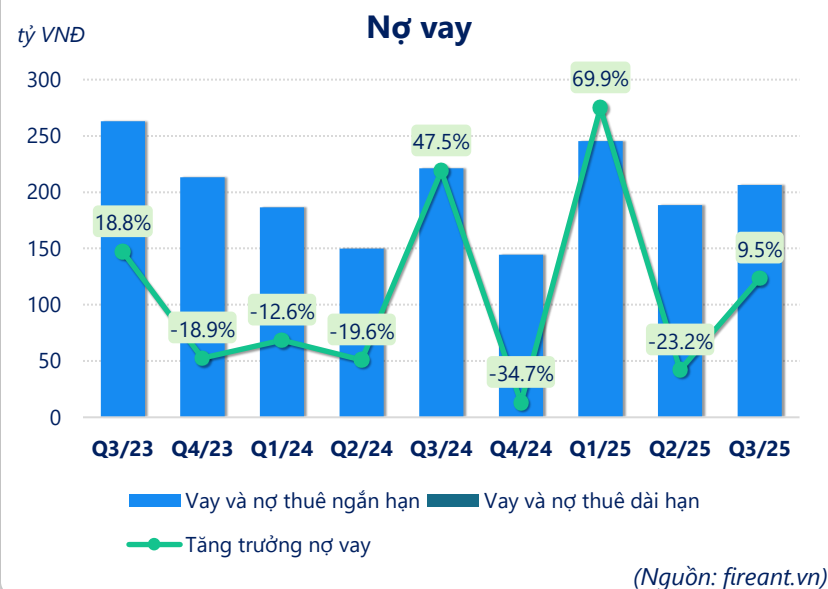
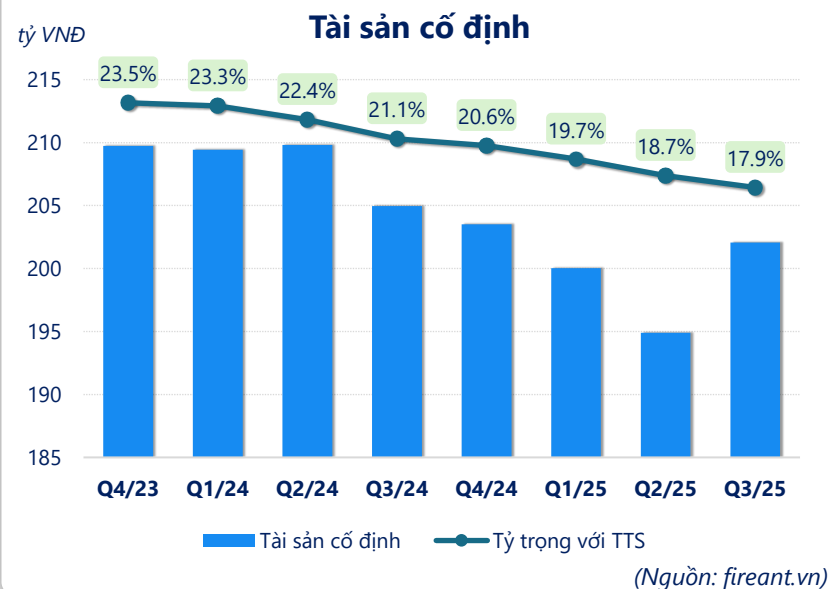
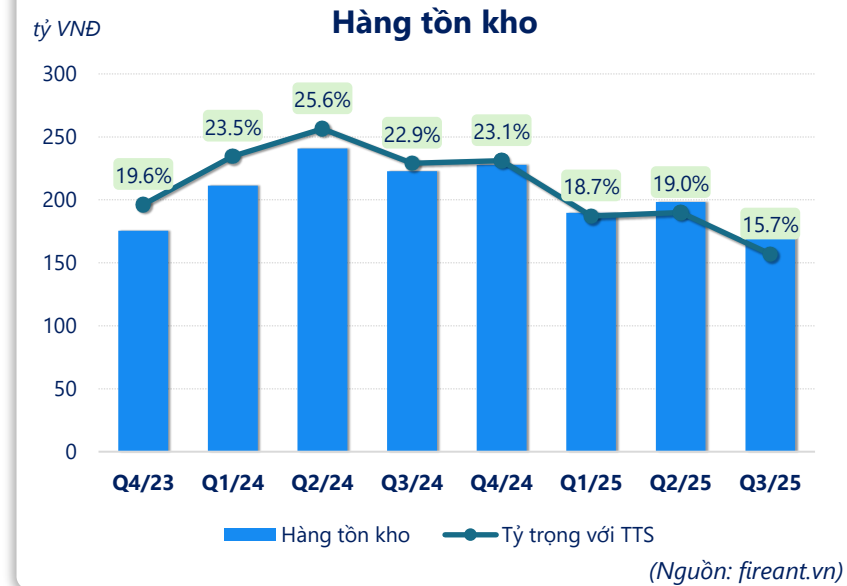
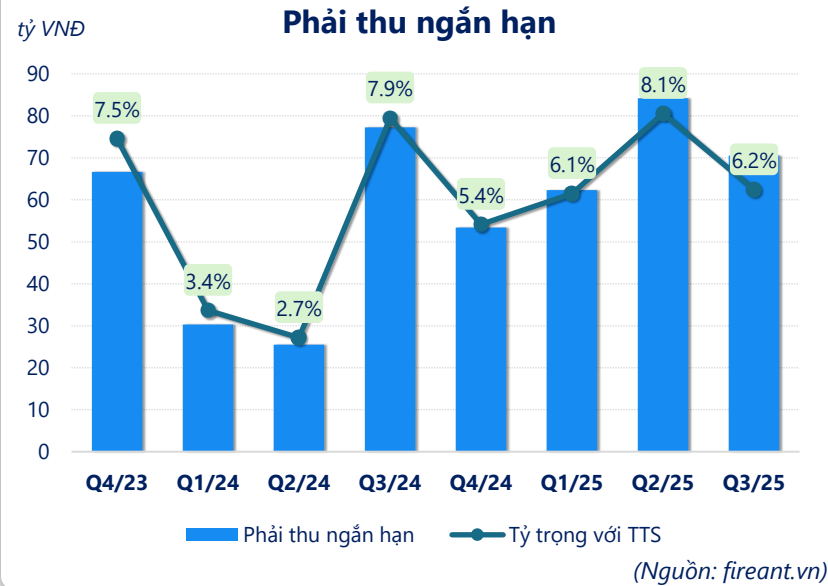
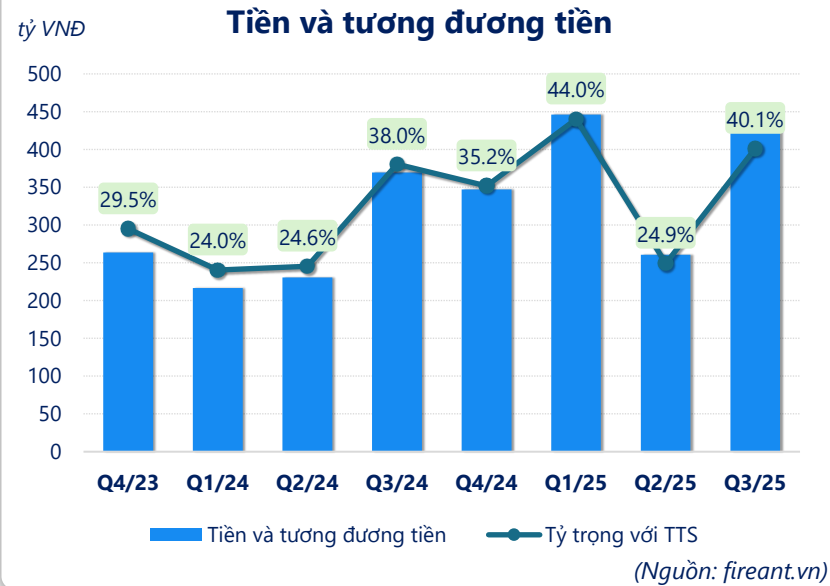
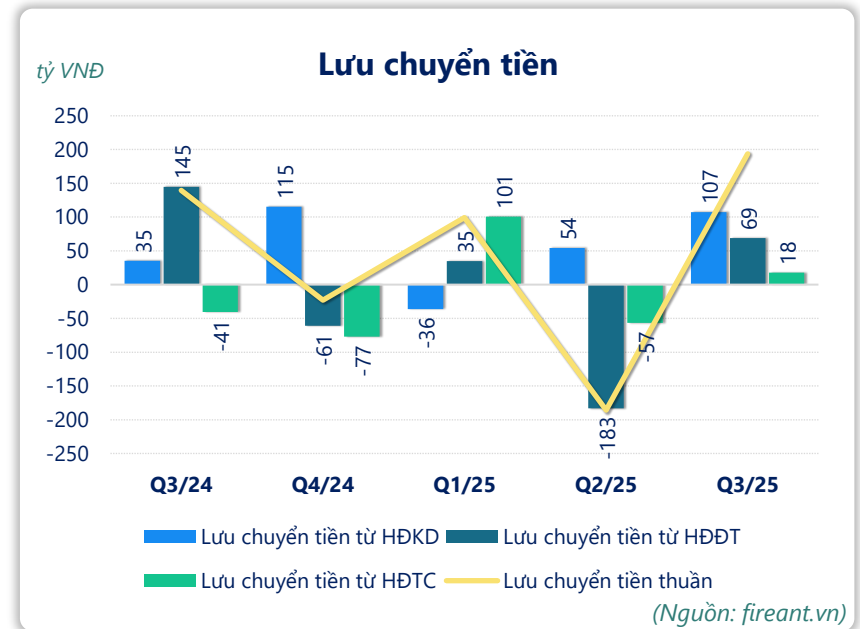
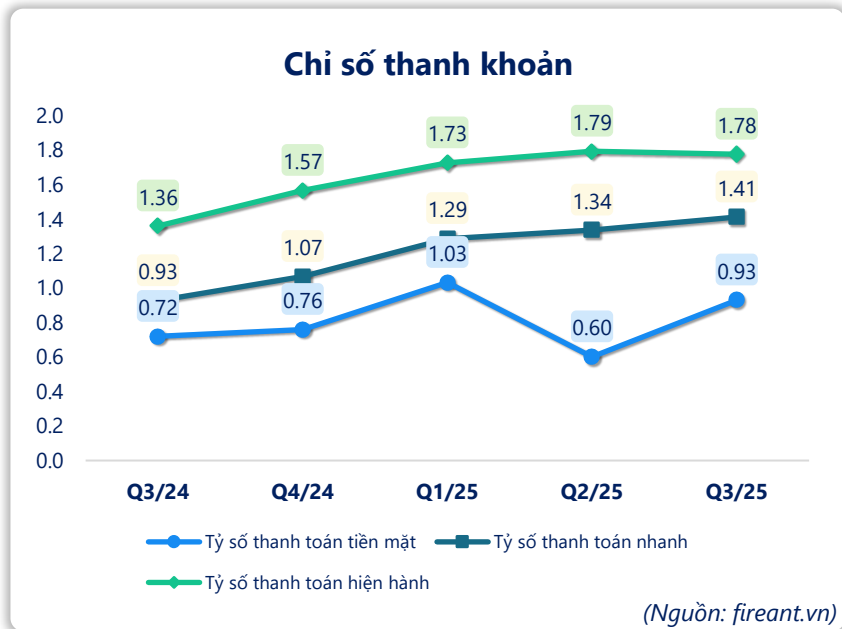
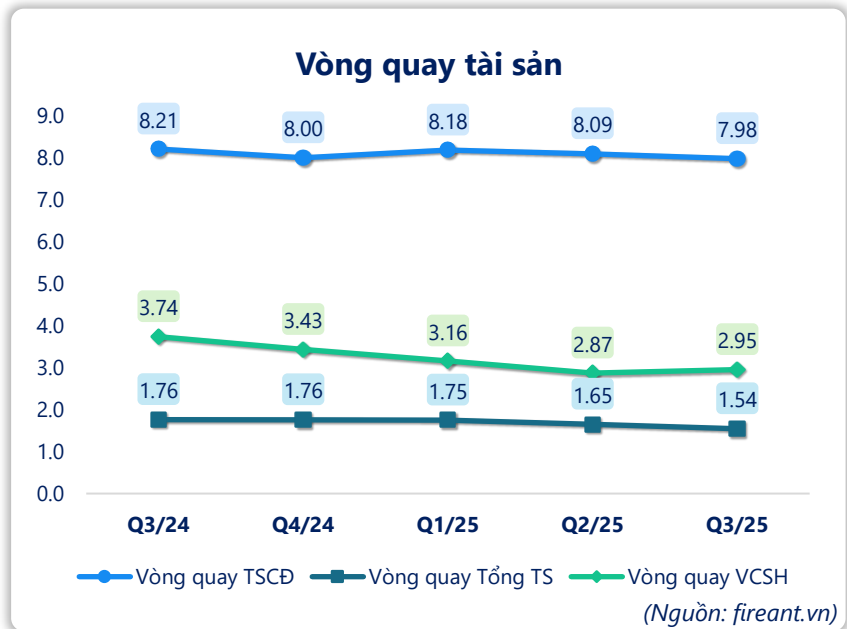
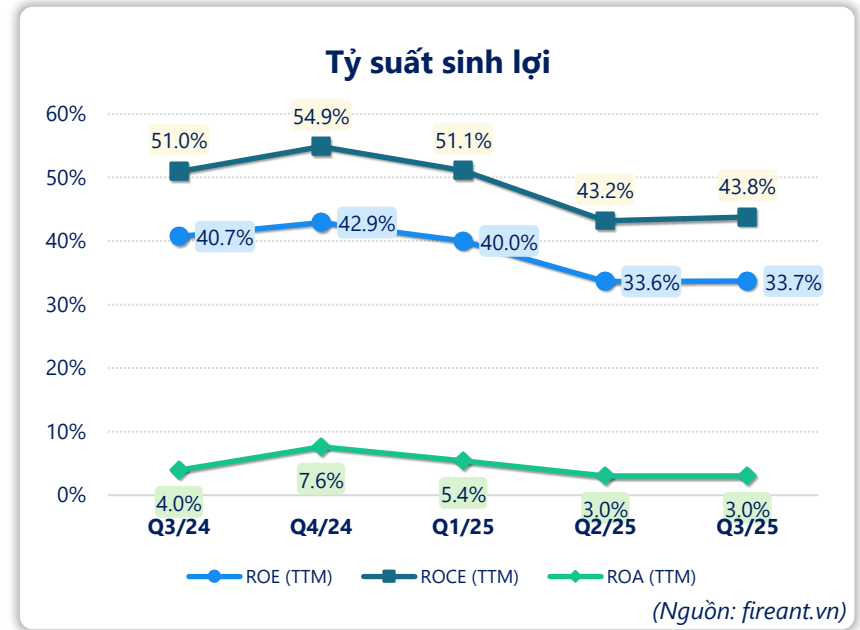
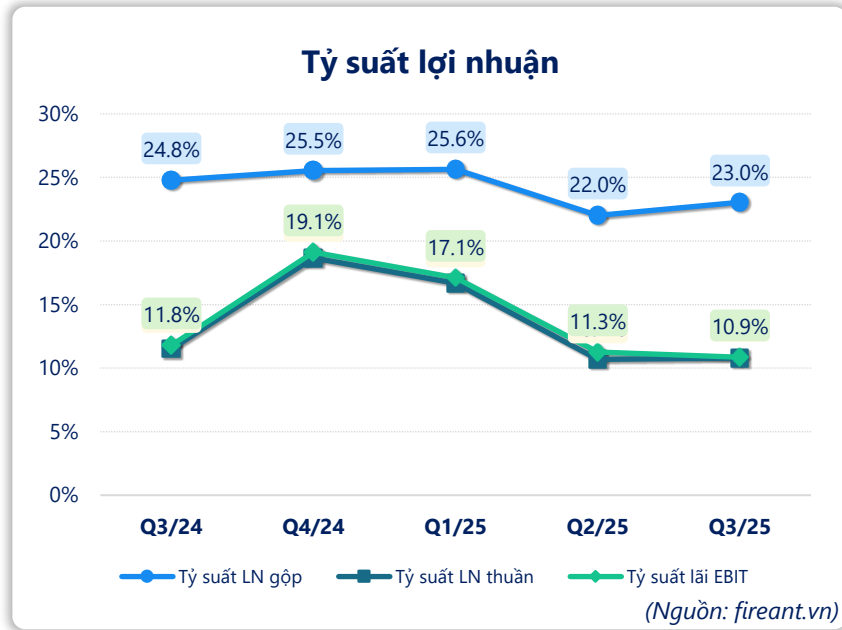
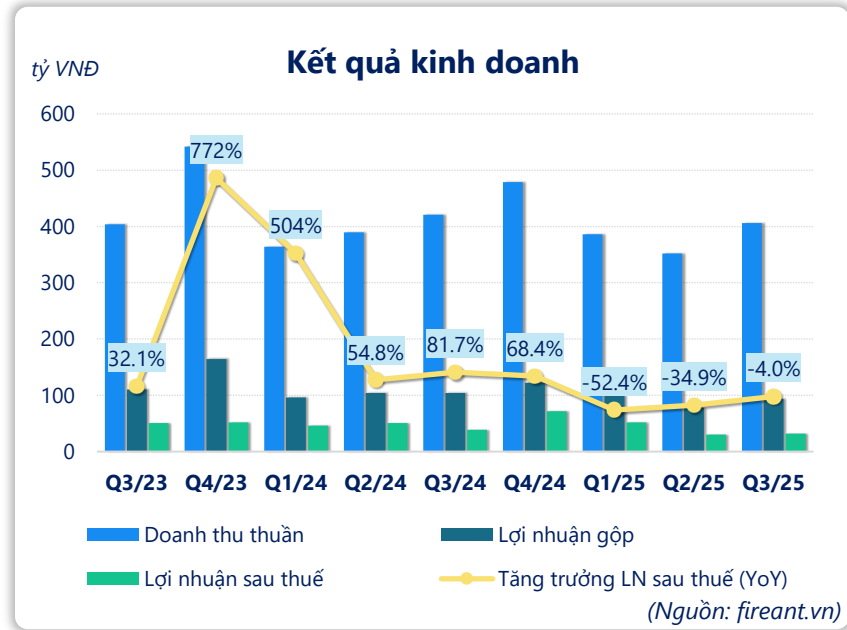


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		82,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		85,221
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		67,808
SL cổ phiếu LH		22,398,374
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,610
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,850
P/E		10.0
EPS		8,271

	YTD	1T	3T	6T
NET	16.1%	12.1%	10.7%	6.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,131	986	14.7%
Tài sản ngắn hạn	866	715	21.2%
Tiền và tương đương tiền	454	347	30.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	163	85.1	91.5%
Phải thu ngắn hạn	70.6	53.4	32.1%
Hàng tồn kho	178	228	-22.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.18	1.64	-27.8%
Tài sản dài hạn	265	271	-2.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	202	204	-0.7%
Bất động sản đầu tư	3.04	4.17	-27.1%
Tài sản dở dang	9.00	11.9	-24.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	50.8	51.9	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	489	457	6.8%
Nợ ngắn hạn	488	456	6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	206	144	42.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	138	209	-33.8%
Nợ dài hạn	1.04	1.10	-5.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	643	529	21.5%
Vốn chủ sở hữu	643	529	21.5%
Vốn điều lệ	224	224	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	421	479	386	352	406
Giá vốn hàng bán	316	357	287	275	313
Lợi nhuận gộp	104	122	99.0	77.5	93.5
Doanh thu HĐTC	4.87	5.28	4.94	5.94	7.18
Chi phí TC	2.32	3.57	2.30	2.81	2.73
Chi phí lãi vay	1.23	2.09	1.66	2.00	2.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	50.6	26.7	31.0	34.6	47.6
Chi phí QLDN	7.75	8.00	6.26	8.48	6.49
LN thuần từ HĐKD	48.4	89.4	64.4	37.6	43.9
Lợi nhuận khác	-0.02	0.09	0.04	0.00	-2.08
LN trước thuế	48.4	89.4	64.4	37.6	41.8
Lợi nhuận sau thuế	38.7	71.6	51.5	30.1	32.0
LNST của CĐ cty mẹ	38.7	71.6	51.5	30.1	32.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.3	115	-36.3	54.4	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	145	-61.1	34.8	-183	68.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.6	-77.0	101	-56.7	17.8
Tiền đầu kỳ	230	370	347	446	260
Lưu chuyển tiền thuần	139	-23.0	99.3	-186	194
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.19	0.13	0.03	0.04	-0.07
Tiền cuối kỳ	370	347	446	260	454

(Nguồn: fireant.vn)